

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2024

V/v: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn ThAh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2024, về việc: “TrAh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu N – sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Lợi – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2024, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thu N trình bày:

Bà và ông Lợi tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B ngày 14/10/2015. Sau khi cưới nhau về chung sống hạnh phúc được một thời giA ngắn, về sau phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, không cùng quA điểm sống. Hai vợ chồng hay cãi vã qua lại với nhau, ông Lợi hay nhậu nhẹt kiếm chuyện và nhiều lần đánh đập bà, sự việc này xảy ra liên tục trong khoảng thời giA dài. Hai vợ chồng hiện vẫn chung sống trong một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quA tâm tới ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lợi.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 07/5/2016. Sau ly hôn bà mong muốn con ở với ông Lợi vì bà không đủ điều kiện để nuôi con. Bà không cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông Lợi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

***/Bị đơn ông Nguyễn Minh Lợi trình bày:**

Về quA hệ hôn nhân: Lời trình bày của bà N về quA hệ hôn nhân là đúng, ông và bà N tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 2015, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B ngày 14/10/2014. Sau khi cưới nhau về chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do không cùng quA điểm sống, thường xuyên cãi vã qua lại. Mâu thuẫn chủ yếu là trong sinh hoạt và trong tiền bạc. Hai vợ chồng hiện nay vẫn ở chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm tới ai. Nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà N nên ông không đồng ý ly hôn, đề nghị bà N rút đơn để cùng chung sống lo cho con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 07/5/2016. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu bà N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quA hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Minh Lợi. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Đ, xã H, huyện B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Đối với việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Trong vụ án này, Tòa án không phải thu thập chứng cứ nên theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án không cần phải có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[3] Về nội dung: [3.a] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà N và ông Lợi tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận ngày 14/10/2015, theo giấy chứng nhận kết hôn số 81/2015 của UBND xã H, huyện B nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong cuộc sống, do tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại, mâu thuẫn xảy ra liên tục trong thời gian dài, cuộc sống luôn căng thẳng nặng nề, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống. Hai vợ chồng tuy vẫn chung sống một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lợi thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét bà N và ông Lợi đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn do không hợp tính nhau, thường xuyên cãi vã nhau, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà N xin ly hôn với ông Lợi là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.b] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 07/5/2016. Tại phiên Tòa bà N muốn giao con cho ông Lợi trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lợi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A nếu vợ chồng ly hôn. Tại bản khai của cháu A mong muốn được ở với ông Lợi. Do vậy, nên giao cháu A cho ông Lợi trực tiếp nuôi dưỡng theo sự thỏa thuận của các bên là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, ông Lợi không yêu cầu bà N cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xét.

Bà N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3.c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu N

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Minh Lợi.
- Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 07/5/2016 cho ông Lợi trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lợi không yêu cầu bà N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông.

Bà N có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013097 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Thuận, Bà N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Lợi không phải chịu phí ly hôn sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/4/2024).

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- UBND(Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Văn Hơ